

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2020/DS-ST  
Ngày: 01/9/2020  
V/v Tranh chấp về nợ hụi.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/- Ông Huỳnh Tiến Dũng

2/- Bà Bùi Thị Phụng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Nguyên Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2020/TLST- DS ngày 30 tháng 6 năm 2020, về việc “Tranh chấp về nợ hụi”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 377/2020/QĐXXST - DS ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*1/ Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim D - sinh năm: 1970

Thường trú: 51C/1 khu phố A, phường B, Thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Cư trú: 177/12 V, khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.  
(có mặt)

*2/ Bị đơn:* Bà Phạm Thị Huyền T - sinh năm: 1972

Thường trú: 492/26 Tỉnh lộ H, khu phố G, phường R, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI D V U ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2020, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và quá trình tranh tụng tại tòa, bà Nguyễn Thị Kim D là nguyên đơn trình bày: Giữa bà và bà T có mối quan hệ là bạn bè, bà T là chủ hội nên bà có tham gia chơi hội của bà T, bà là hội viên chơi hội từ năm 2018 đến năm 2019, tổng số các dây hội mà bà đã tham gia gồm:

+ Từ ngày 01/7/2018 bà T mở dây hội 2.000.000 đ (Hai triệu đồng) gồm 15 phần mỗi phần đóng là 1.600.000 đ (Một triệu sáu trăm ngàn đồng), bà D chơi 04 phần đóng đến ngày 01/6/2019 được 12 kỳ. Số tiền đã đóng là 12 kỳ x 1.600.000 đ x 4 phần = 76.800.000 đ (Bảy mươi sáu triệu tám trăm ngàn đồng).

+ Từ ngày 10/11/2018 bà T mở dây hội 5.000.000 đ (Năm triệu đồng) gồm 15 phần mỗi phần đóng là 4.000.000 đ (Bốn triệu đồng), bà D chơi 02 phần đóng đến ngày 10/6/2019 được 08 kỳ. Số tiền đã đóng là 8 kỳ x 4.000.000 đ x 2 phần = 64.000.000 đ (Sáu mươi bốn triệu đồng).

+ Từ ngày 15/3/2019 bà T mở dây hội 1.000.000 đ (Một triệu đồng) gồm 15 phần mỗi phần đóng là 800.000 đ (Tám trăm ngàn đồng), bà D chơi 08 phần đóng đến ngày 15/6/2019 được 04 kỳ. Số tiền đã đóng là 04 kỳ x 800.000 đ x 8 phần = 25.600.000 đ (Hai mươi lăm triệu sáu trăm ngàn đồng).

Tổng cộng số tiền chơi hội mà bà D đã đóng cho bà T là: 76.800.000 đ + 64.000.000 đ + 25.600.000 đ = 166.400.000 đ (Một trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm ngàn đồng).

Khi các dây hội chưa kết thúc bà T bỏ trốn đến ngày 15/8/2019 bà T có trả cho bà được 6.400.000 đ (Sáu triệu bốn trăm ngàn đồng). Số tiền còn lại 160.000.000 đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng) đến nay bà T chưa trả, do đó bà có đơn khởi kiện. Trong đơn khởi kiện bà xác định bà T còn nợ bà 160.000.000 đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng) nên bà yêu cầu bà T phải có trách nhiệm trả cho bà toàn bộ số tiền trên và tính lãi theo Ngân hàng, tạm tính từ ngày 01/7/2019 cho đến 19/6/2020 lãi suất 0,4% mỗi tháng là 640.000 đ (Sáu trăm bốn mươi ngàn đồng). Tính một năm 12 tháng là 7.680.000 đ (Bảy triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng). Tổng cộng số tiền bà yêu cầu là 167.680.000 đ (Một trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng). Thực hiện một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Bà xác định số tiền chơi hội là của cá nhân bà không liên quan gì đến ai và bà chơi hội với cá nhân bà T cũng không liên quan gì đến ai do đó bà chỉ yêu cầu cá nhân bà T có trách nhiệm trả cho bà toàn bộ số tiền trên. Tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 12/8/2020 bà chỉ yêu cầu bà T trả cho bà số tiền

160.000.000 đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Về số tiền lãi phát sinh bà tự nguyện không yêu cầu.

Theo bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và quá trình tranh tụng tại tòa, bà Phạm Thị Huyền T là bị đơn trình bày: Tại Tòa bà xác nhận cá nhân bà là chủ nợ và bà D là nợ viên có chơi nợ của bà từ năm 2018 đến năm 2019. Về các dây nợ và số tiền hiện tại bà còn nợ bà D đúng như lời trình bày của bà D. Hiện nay hoàn cảnh bà khó khăn về kinh tế nên bà xin trả mỗi tháng 1.000.000 đ (Một triệu đồng) cho đến khi hết số tiền trên. Do công việc đi làm của bà ở xa nên bà xin được vắng mặt tham gia tố tụng tại tòa án các cấp trong vụ kiện này. Bà thống nhất với các ý kiến đã trình bày tại Tòa và không có ý kiến bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim D vẫn giữ yêu cầu khởi kiện cụ thể: Bà yêu cầu bà Phạm Thị Huyền T phải có trách nhiệm trả cho bà 160.000.000 đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Thực hiện một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực. Về số tiền lãi phát sinh bà tự nguyện không yêu cầu. Ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

Bà Phạm Thị Huyền T có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, về tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, về thụ lý vụ án, ra thông báo thụ lý vụ án, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục của pháp luật quy định. Về nội D vụ án đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu tiền lãi và chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Kim D và bà Phạm Thị Huyền T là “Tranh chấp về nợ nợ”, bà T có hộ khẩu thường trú tại số 492/26 Tỉnh lộ H, khu phố G, phường R, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, do hai bên không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án, bà D là một bên đương sự trong vụ án, có đơn khởi kiện là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim D đối với bà Phạm Thị Huyền T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của hai bên đương sự tại bản tự khai và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 12/8/2020 có cơ sở xác định giữa bà Nguyễn Thị Kim D và bà Phạm Thị Huyền T có chơi hụi với nhau từ tháng 7/2018 đến tháng 3/2019, bà D có tham gia chơi các dây hụi do bà T làm chủ hụi, về các dây hụi và số tiền của mỗi dây hụi mà bà D đã đóng được hai bên thừa nhận là đúng.

Việc chơi hụi của bà Nguyễn Thị Kim D và bà Phạm Thị Huyền T phát sinh từ tháng 7/2018 đến tháng 3/2019 gồm nhiều dây hụi bà T là chủ hụi, bà D là hụi viên, việc khai hụi của mỗi dây hụi chỉ có bà T tự ghi vào giấy và ký nhận. Mặc dù chưa kết thúc các dây hụi nhưng bà T đã tự ý bỏ đi không tiếp tục thực hiện tiếp các phần hụi còn lại để giao cho bà D nên bà D có đơn khởi kiện và tại Tòa bà Phạm Thị Huyền T xác nhận hiện tại cá nhân bà còn nợ bà D số tiền nợ hụi là 160.000.000 đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng) nên yêu cầu khởi kiện của bà D là có căn cứ.

Xét việc bị đơn bà Phạm Thị Huyền T thừa nhận số tiền nợ hụi và xin trả dần bằng cách trả mỗi tháng 1.000.000 đ (Một triệu đồng) cho đến khi trả hết số tiền còn nợ là kéo dài, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D và không được bà D đồng ý nên không được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu đòi nợ của bà D là có căn cứ nên được chấp nhận.

Xét về số tiền lãi phát sinh, bà D không yêu cầu bà T phải thanh toán tiền lãi là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu tiền lãi trong vụ án này.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Phạm Thị Huyền T phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kim D số tiền 160.000.000 đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 bà Phạm Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.000.000 đ (Tám triệu đồng). Bà Nguyễn Thị Kim D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 4.192.000 đ (Bốn triệu một trăm chín mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0057323 ngày 30/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị Kim D

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 471, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu, phường;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

1-/ Đình chỉ xét xử phần yêu cầu tiền lãi 7.680.000 đ (Bảy triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng), của bà Nguyễn Thị Kim D đối với Phạm Thị Huyền T.

2-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bà Phạm Thị Huyền T phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim D số tiền 160.000.000 đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

Thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi, của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3-/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.000.000 đ (Tám triệu đồng). Bà Nguyễn Thị Kim D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 4.192.000 đ (Bốn triệu một trăm chín mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0057323 ngày 30/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị Kim D

4-/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014”;

***Nơi nhận:***

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THA dân sự Q.Thủ Đức;
- Các bên đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Phạm Thị Thu**